



TỔNG CÔNG TY KHÍ VIỆT NAM - CTCP
CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN PHỐI
KHÍ THẤP ÁP DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 265/KTA-TCKT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 7 năm 2024

V/v Giải trình Lợi nhuận sau thuế TNDN
tại Báo cáo KQHĐKD quý II năm 2024

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý II năm 2024 và tình hình thực tế của Công ty Cổ phần Phân phối Khí thấp áp Dầu khí Việt Nam (mã chứng khoán: PGD).

PGD xin giải trình nguyên nhân Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại Báo cáo KQHĐKD quý II năm 2024 tăng 85,61% so với cùng kỳ năm 2023, cụ thể như sau:

1. Tổng hợp một số chỉ tiêu chính:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Quý II năm 2023	Quý II năm 2024	Chênh lệch	% tăng giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (5)-(4)	(7)=(6)/(4)
1	Sản lượng khí	MMBTU	9.997.633,88	9.880.371,49	(117.262,39)	-1,17%
2	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Đồng	2.663.303.913.930	2.899.039.956.580	235.736.042.650	8,85%
3	Giá vốn hàng bán	Đồng	2.517.725.387.865	2.654.081.484.346	136.356.096.481	5,42%
4	Lợi nhuận gộp	Đồng	145.578.526.065	244.958.472.234	99.379.946.169	68,27%
5	Tỷ lệ lãi gộp/Doanh thu	%	5,47%	8,45%	2,98%	54,48%
6	Chi phí hoạt động và chi phí khác	Đồng	82.954.046.501	105.095.231.107	22.141.184.606	26,69%
7	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	75.487.841.001	146.280.633.303	70.792.792.302	93,78%
8	Thuế TNDN	Đồng	12.457.677.837	29.288.634.945	16.830.957.108	135,11%
9	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	63.030.163.164	116.991.998.358	53.961.835.194	85,61%



2. Nguyên nhân:

Sản lượng khí (Chỉ tiêu 1) chỉ giảm 111.262,39 MMBTU (tương đương giảm 1,17%) so với cùng kỳ năm 2023 do nền kinh tế trong nước đã và đang trong quá trình hồi phục, khách hàng đã phần nào trở lại sản xuất kinh doanh nhưng vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm đầu ra, đặc biệt là nhóm khách hàng liên quan đến lĩnh vực bất động sản (gạch men, sắt thép, vật liệu xây dựng,...). Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Chỉ tiêu 2) tăng 235.736.042.650 đồng (tương đương tăng 8,85%) do điều chỉnh giá bán khí phù hợp xu hướng thị trường, trong khi đó Giá vốn hàng bán (Chỉ tiêu 3) tăng 5,42% so với cùng kỳ năm trước do tình hình thị trường nhiên liệu nói chung và giá dầu nói riêng, dẫn đến lợi nhuận gộp (Chỉ tiêu 4) tăng 99.379.946.169 đồng (tương đương tăng 68,27%) làm Lợi nhuận trước thuế (Chỉ tiêu 7) tăng 70.792.792.302 đồng (tương đương tăng 93,78%) so với cùng kỳ năm 2023. Theo đó, Lợi nhuận sau thuế (Chỉ tiêu 9) tăng 53.961.835.194 đồng (tương đương tăng 85,61%) so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- P. KD để phối hợp;
- Lưu VT, P. TCKT, HMH(01).



GIÁM ĐỐC



Trần Thanh Nam